

Số: 334 /QĐ-UBND

An Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi
chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang tại Tờ trình số 24/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang (đính kèm Phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan trên cơ sở quy trình được ban hành kèm theo Quyết định này cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

Phụ lục
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG
LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
VÀ PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 334 /QĐ-UBND ngày 17/ 3/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

1. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-....
	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Phòng KSN&MT	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu xin Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- KSN&MT: Khoáng sản, Nước và Môi trường.
- SNNMT: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công.
- TCCN: Tổ chức, cá nhân.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
5.2	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:
a)	<i>Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i> - Có quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; - Có quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; - Phù hợp với nguyên tắc khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản; - Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận hoặc phê duyệt; - Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.

b)	<i>Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i> - Phù hợp với nguyên tắc khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản; - Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận hoặc phê duyệt; - Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a)	<i>Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i>		
-	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	x	
-	Bản đồ trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	x	
-	Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt theo quy định, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả khảo sát thông tin chung về khoáng sản nhóm IV, các văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản (<i>Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính</i>)	x	
b)	<i>Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i>		
-	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác, phương án khai thác khoáng sản nhóm IV	x	
-	Bản đồ trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	x	
-	Văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả khảo sát thông tin chung về khoáng sản nhóm IV (<i>Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính</i>)	x	

5.4	Số lượng hồ sơ: 03 bộ			
5.5	Thời gian xử lý:			
a)	Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 30 ngày làm việc (240 giờ). - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 23 ngày làm việc (184 giờ). - Thời hạn cấp giấy phép: 03 ngày làm việc (24 giờ). - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: 04 ngày làm việc (32 giờ).			
b)	Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 15 ngày làm việc (120 giờ). - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 12 ngày làm việc (96 giờ). - Thời hạn cấp giấy phép: 02 ngày làm việc (16 giờ). - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: 01 ngày làm việc (08 giờ).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.			
5.7	Phí, lệ phí: Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:			
	Số TT	Nhóm giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)	
	1	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này		
	a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm	15.000.000	
	b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	20.000.000	
c	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	30.000.000		
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả

TH1	Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 30 ngày làm việc (240 giờ).			
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại TTPVHCC. - Chuyển hồ sơ về SNNMT.	Cán bộ tại TTPVHCC	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 2	Phân công cán bộ thẩm định hồ sơ.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 3	Thẩm định hồ sơ:			
3.1	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa.	Chuyên viên phòng KSN&MT	19 ngày (152 giờ)	
	Gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đô thị, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc UBND cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác (trường hợp cần thiết).			
	Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.			
3.2	Xem xét, trình Giám đốc Sở kết quả thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	01 ngày (08 giờ)	
3.3	Xem xét, trình UBND tỉnh kết quả thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.	Giám đốc Sở NNMT	1,5 ngày (12 giờ)	
3.4	Đóng dấu, quét ký số chuyển hồ sơ đến nơi nhận.	Văn thư Sở NNMT	0,5 ngày (04 giờ)	
(- Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung,				

hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình cấp giấy phép khai thác.

- Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới).

Bước 4	Xem xét, quyết định cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.	UBND tỉnh	03 ngày (24 giờ)	
Bước 5	Thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ tài chính có liên quan theo quy định (trường hợp được cấp giấy phép khai thác).	Cán bộ tại TTPVHCC	02 ngày (16 giờ)	
	- Trả kết quả giải quyết hồ sơ.		02 ngày (16 giờ)	
TH2	Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 15 ngày làm việc.			
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại TTPVHCC. - Chuyển hồ sơ về SNNMT.	Cán bộ tại TTPVHCC	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 2	Phân công cán bộ thẩm định hồ sơ.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 3	Thẩm định hồ sơ:			
3.1	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa.	Chuyên viên phòng KSN&MT	8,5 ngày (68 giờ)	
	Gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đề điều, thủy lợi, thủy điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc UBND cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các			

	nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác (trường hợp cần thiết).			
	Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.			
3.2	Xem xét, trình Giám đốc Sở kết quả thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	01 ngày (08 giờ)	
3.3	Xem xét, trình UBND tỉnh kết quả thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.	Giám đốc Sở NNMT	01 ngày (08 giờ)	
3.4	Đóng dấu, quét ký số chuyển hồ sơ đến nơi nhận.	Văn thư Sở NNMT	0,5 ngày (04 giờ)	

(- Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình cấp giấy phép khai thác.

- Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới).

Bước 4	Xem xét, quyết định cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.	UBND tỉnh	02 ngày (16 giờ)	
Bước 5	- Thông báo cho tổ chức để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ tài chính có liên quan theo quy định (trường hợp được cấp giấy phép khai thác).	Cán bộ tại TTPVHCC	01 ngày (08 giờ)	

	- Trả kết quả giải quyết hồ sơ.		Giờ hành chính	
--	---------------------------------	--	-------------------	--

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 03	Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025);
2	Mẫu số 04	Bản đồ trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Thành phần hồ sơ theo mục 5.3
2	Kết quả giải quyết hồ sơ Các văn bản khác (nếu có trong quá trình giải quyết thủ tục)
3	Hồ sơ được lưu tại phòng chuyên môn → Phòng lưu trữ

Mẫu số 03: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV
(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN NHÓM IV**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do (Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp.

Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản) (tên khoáng sản nhóm IV)..... tại xã..... huyện..... tỉnh..... đã được (cơ quan phê duyệt)..... phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận theo văn bản số..... ngày..... tháng..... năm.....

Khối lượng (hoặc trữ lượng) (tên khoáng sản)..... được phê duyệt, công nhận, xác nhận: (tấn, m³,...).

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác khoáng sản (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực thuộc xã..... huyện..... tỉnh..... với các nội dung như sau:

1. Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc:..... có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.
2. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản đưa vào thiết kế khai thác:.....(tấn, m³,...).
3. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản khai thác:.....(tấn, m³,...).
4. Phương pháp khai thác: Khai thác lộ thiên.
5. Công suất khai thác:.....(tấn, m³,...)/năm.
6. Chiều sâu khai thác: từ mức ... m đến mức ... m.
7. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày ký giấy phép. Trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mở là:....năm (tháng).
8. Dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp sử dụng khoáng sản¹:.....

..... (Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Ghi rõ tên dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp. Mục này chỉ áp dụng đối với các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

Mẫu số 04: Bản đồ trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV
(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Tọa độ các điểm khép góc

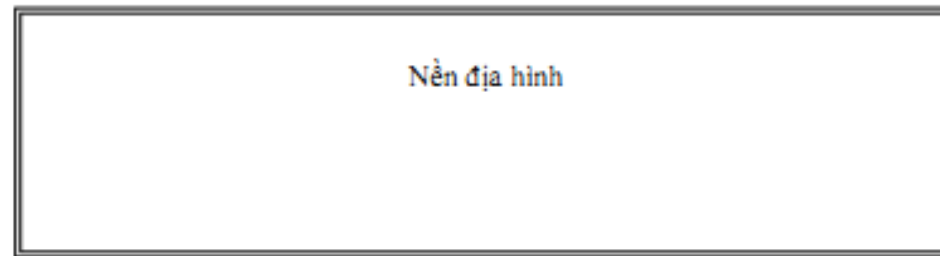
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC

....(tên khoáng sản²)....tại khu vực(tên mỏ³)...., xã...., huyện...., tỉnh (thành phố)....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

Người lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân lập
(Ký, đóng dấu)

Khung tọa độ

Tỷ lệ:.....

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”

² Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

³ Tên mỏ khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

Tỷ lệ của bản đồ thực hiện như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km^2 trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:50.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km^2 đến dưới 5 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ $0,5 \text{ km}^2$ đến dưới 2 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn $0,5 \text{ km}^2$, bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.

2. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-....
	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Phòng KSN&MT	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu xin Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- KSN&MT: Khoáng sản, Nước và Môi trường.
- SNNMT: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công.
- TCCN: Tổ chức, cá nhân.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
5.2	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:
a)	<i>Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i> được xem xét gia hạn để khai thác khối lượng khoáng sản còn lại quy định trong giấy phép khai thác chưa khai thác hết khi đáp ứng đủ điều kiện: - Có quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc quyết định gia hạn thời hạn hoạt động đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc diện phải điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; - Có quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường được điều chỉnh, cấp lại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; - Tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với giấy phép khai thác đề nghị gia hạn, bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; - Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV nộp trước ngày giấy phép khai thác hết thời hạn khai thác.

b)	<i>Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i> được xem xét gia hạn để khai thác khối lượng khoáng sản còn lại quy định trong giấy phép khai thác chưa khai thác hết khi đáp ứng đủ điều kiện: - Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong Giấy phép khai thác phải còn thời hạn (bao gồm cả thời hạn được gia hạn, điều chỉnh) ít nhất bằng thời gian gia hạn giấy phép khai thác.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a)	<i>Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i>		
-	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo.	x	
-	Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định của pháp luật; Các văn bản chứng minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản(<i>Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính</i>)	x	
b)	<i>Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i>		
-	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo;	x	
-	Văn bản điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện các dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác; các văn bản chứng minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm	x	

	năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản(<i>Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính</i>).		
5.4	Số lượng hồ sơ: 03 bộ.		
5.5	Thời gian xử lý:		
a)	<i>Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i> 25 ngày làm việc (200 giờ). - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 18 ngày làm việc (144 giờ). - Thời hạn cấp giấy phép: 03 ngày làm việc (24 giờ). - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: 04 ngày làm việc (32 giờ).		
b)	<i>Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i> 13 ngày làm việc (104 giờ). - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 10 ngày làm việc (80 giờ). - Thời hạn cấp giấy phép: 02 ngày làm việc (16 giờ). - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: 01 ngày làm việc (08 giờ).		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.		
5.7	Phí, lệ phí: Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:		
	Số TT	Nhóm giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
	1	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	
	a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	15.000.000
	b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	20.000.000
	c	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	30.000.000

	- Khai thác tận thu: Mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép. - Trường hợp cấp gia hạn giấy phép, cấp lại giấy phép khi chuyển nhượng: Mức thu bằng 50% mức thu lệ phí tương ứng với các mức thu nêu trên.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
TH1	Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 25 ngày làm việc (200 giờ).			
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại TTPVHCC. - Chuyển hồ sơ về SNNMT.	Cán bộ tại TTPVHCC	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 2	Phân công cán bộ thẩm định hồ sơ.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 3	Thẩm định hồ sơ:			
3.1	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa.	Chuyên viên phòng KSN&MT	14,5 ngày (116 giờ)	
	Gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh về việc gia hạn giấy phép khai thác (trường hợp cần thiết).			
	Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian gia hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác.			
3.2	Xem xét, trình Giám đốc Sở kết quả thẩm định hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	01 ngày (08 giờ)	
3.3	Xem xét, trình UBND tỉnh kết quả thẩm định hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	Giám đốc Sở NNMT	01 ngày (08 giờ)	
3.4	Đóng dấu, quét ký số chuyển hồ sơ đến nơi nhận.	Văn thư Sở TNMT	0,5 ngày (04 giờ)	

(- Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình gia hạn giấy phép khai thác.

- Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

- Trường hợp giấy phép khai thác hết thời hạn trong quá trình thẩm định, xem xét gia hạn:

+ Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải dừng khai thác khoáng sản đến khi giấy phép khai thác được gia hạn. Trường hợp không được gia hạn giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định khi giấy phép khai thác hết hiệu lực;

+ Cơ quan thẩm định hồ sơ tiếp tục thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn giấy phép khai thác nếu hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.)

Bước 4	Xem xét, quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	UBND tỉnh	03 ngày (24 giờ)	
Bước 5	- Thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ tài chính có liên quan theo quy định (trường hợp được gia hạn giấy phép khai thác).	Cán bộ tại TTPVHCC	02 ngày (16 giờ)	
	- Trả kết quả giải quyết hồ sơ.		02 ngày (16 giờ)	
TH2	Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc (104 giờ).			
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại TTPVHCC. - Chuyển hồ sơ về STNMT.	Cán bộ tại TTPVHCC	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 2	Phân công cán bộ thẩm định hồ sơ.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 3	Thẩm định hồ sơ:			

3.1	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa.	Chuyên viên phòng KSN&MT	6,5 ngày (52 giờ)	
	Gửi văn bản lấy ý kiến chủ đầu tư dự án, công trình sử dụng khoáng sản về việc gia hạn giấy phép khai thác (trường hợp cần thiết).			
	Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian gia hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác.			
3.2	Xem xét, trình Giám đốc Sở kết quả thẩm định hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	01 ngày (08 giờ)	
3.3	Xem xét, trình UBND tỉnh kết quả thẩm định hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	Giám đốc Sở NNMT	01 ngày (08 giờ)	
3.4	Đóng dấu, quét ký số chuyển hồ sơ đến nơi nhận.	Văn thư Sở NNMT	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 4	Xem xét, quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	UBND tỉnh	02 ngày (16 giờ)	
Bước 5	Thông báo cho tổ chức để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ tài chính có liên quan theo quy định (trường hợp được gia hạn giấy phép khai thác)	Cán bộ tại TTPVHCC	01 ngày (08 giờ)	
	Trả kết quả giải quyết hồ sơ.		Giờ hành chính	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác (Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025).
2	Mẫu số 04	Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo (Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025).
3	Mẫu số 09	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV (Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Thành phần hồ sơ theo mục 5.3
2	Kết quả giải quyết hồ sơ Các văn bản khác (nếu có trong quá trình giải quyết thủ tục)
3	Hồ sơ được lưu tại phòng chuyên môn → Phòng lưu trữ

Mẫu số 1: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác
(Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác (tên khoáng sản²).... tại xã, huyện, tỉnh
theo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV số ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: (tấn, m³,...).

Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn:
(tấn, m³,...).

Đề nghị gia hạn thời gian khai thác: (số năm khai thác³) năm, đến ngày
..... tháng năm

Lý do đề nghị gia hạn:

.....
(có kế hoạch khai thác gửi kèm theo).

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)* cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật
về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

² Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

³ Tổng số năm khai thác khoáng sản tính từ khi cấp phép khai thác khoáng sản đến hết thời gian đề nghị gia hạn.

Mẫu số 4: Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo
(Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP
Khai thác khoáng sản**
Số: /KH-.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Địa danh, ngày.... tháng.... năm

KẾ HOẠCH
Khai thác khoáng sản trong thời gian tiếp theo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

I. Mô tả hiện trạng khu vực đã được cấp phép khai thác, cụ thể gồm:

1. Mở vỉa, hệ thống khai thác khoáng sản, công nghệ khai thác...;
2. Vận tải, công đoạn phụ trợ trong khai thác khoáng sản;
3. Các công trình bảo vệ môi trường (nếu có).

II. Kế hoạch khai thác trong thời gian tiếp theo

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....
2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (m², ha, km²).
3. Chiều sâu tiếp tục khai thác: từ mứcm, đến mức.....m.
4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....
.....
.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày - đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm.....).

..... (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV
(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP
Khai thác khoáng sản**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ: ;
Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
- Họ và tên.....;
- Năm sinh.....
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng.... năm..... được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng....năm (nếu có):
- Loại khoáng sản được phép khai thác: ;
- Cơ quan cấp phép ;
- Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn), huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố);
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên/hầm lò/.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (m², ha, km²);
- Chiều sâu khai thác: từ mức..... m, đến mức.....m;
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....:(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ ngày.... tháng.... năm.....⁴ đến ngày.... tháng.... năm.....⁵:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VNĐ).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VNĐ).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VNĐ).

⁴ Thời điểm cấp giấy phép khai thác khoáng sản

⁵ Thời điểm báo cáo

4. Tổng vốn đầu tư: (VNĐ).
 5. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
 6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
 7. Giá thành khai thác trung bình:.....(VNĐ/tấn, m³).
 8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
 9. Tổng doanh thu:(VNĐ).
 10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VNĐ).
- Trong đó:
- Thuế tài nguyên:(VNĐ);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ);
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VNĐ);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VNĐ);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VNĐ);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có)
 12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....
 13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).
 14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).
 16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác/giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Kết quả hoạt động khai thác năm báo cáo⁶

1. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong năm:(tấn, m³),
 2. Giá thành khai thác trung bình:.....(VNĐ/tấn, m³),
 3. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: (tấn, m³),
 4. Tổng doanh thu:(VNĐ),
 5. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VNĐ),
- Trong đó:
- Thuế tài nguyên:(VNĐ);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VNĐ);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VNĐ);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VNĐ);
 - Khác (nếu có):
6. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản đã nộp (nếu có):(VNĐ).

⁶ Chỉ áp dụng đối với báo cáo định kỳ, các báo cáo trong hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV không phải thực hiện nội dung này

7. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có)

8. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm

9. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).

10. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).

11. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.3. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

3. Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-....
	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Phòng KSN&MT	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu xin Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1.

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- KSN&MT: Khoáng sản, Nước và Môi trường.
- SNNMT: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công.
- TCCN: Tổ chức, cá nhân.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;
5.2	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:
a)	<i>Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i> - Có quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc quyết định gia hạn thời hạn hoạt động đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc diện phải điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; - Có quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường được điều chỉnh, cấp lại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; - Đối với trường hợp: thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng, phải có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV ở phần mở rộng hoặc xuống sâu của khu vực khai thác; - Đối với trường hợp: thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng; trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; tăng công suất khai thác khoáng sản; giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác; thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với giấy phép khai thác đề nghị điều chỉnh, bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản;

	- Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.		
b)	<i>Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i> - Đáp ứng điều kiện: trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; tăng công suất khai thác khoáng sản; giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác; - Đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác có kèm theo điều chỉnh thời hạn khai thác, dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác phải còn thời hạn (bao gồm cả thời hạn được gia hạn, điều chỉnh) ít nhất bằng thời hạn khai thác điều chỉnh; - Đối với trường hợp thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, dự án, công trình sử dụng khoáng sản đề nghị thay đổi hoặc bổ sung vào giấy phép khai thác phải do tổ chức được cấp giấy phép khai thác là nhà thầu thi công.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
-	Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác; bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi; báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi; kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi; đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản và một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;	X	
-	Các văn bản chứng minh tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nghĩa vụ tài chính đối với giấy phép khai thác đề nghị điều chỉnh, bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản đối với các trường hợp: thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; tăng công suất khai thác khoáng sản; giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo	X	

	dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác; thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác; dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi; văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công dự án, công trình, sử dụng khoáng sản đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi đối với trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi (<i>Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính</i>)			
5.4	Số lượng hồ sơ: 03 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý:			
a)	Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 28 ngày làm việc (224 giờ). - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 21 ngày làm việc (168 giờ). - Thời hạn cấp giấy phép: 03 ngày làm việc (24 giờ). - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: 04 ngày làm việc (32 giờ).			
b)	Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 16 ngày làm việc (128 giờ). - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 13 ngày làm việc (104 giờ). - Thời hạn cấp giấy phép: 02 ngày làm việc (16 giờ). - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: 01 ngày làm việc (08 giờ).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.			
5.7	Phí, lệ phí: Không.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
TH1	Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 28 ngày làm việc (224 giờ).			

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại TTPVHCC. - Chuyển hồ sơ về SNNMT.	Cán bộ tại TTPVHCC	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 2	Phân công cán bộ thẩm định hồ sơ.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 3	Thẩm định hồ sơ:			
3.1	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa đối với trường hợp: mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thủy lợi, thủy điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc UBND cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác đối với trường hợp mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh về nội dung điều chỉnh giấy phép khai thác đối với trường hợp thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép, mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản, tăng công suất khai thác khoáng sản, giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác (trường hợp cần thiết).	Chuyên viên phòng KSN&MT	17 ngày (136 giờ)	

	Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản điều chỉnh (nếu có); trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác (đồng thời phê duyệt đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản), phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho UBND cấp tỉnh.			
3.2	Xem xét, trình Giám đốc Sở kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho UBND cấp tỉnh.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	01 ngày (08 giờ)	
3.3	Xem xét, trình UBND tỉnh kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có)	Giám đốc Sở NNMT	1,5 ngày (12 giờ)	
3.4	Đóng dấu, quét ký số chuyển hồ sơ đến nơi nhận.	Văn thư Sở NNMT	0,5 ngày (04 giờ)	

(- Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình điều chỉnh giấy phép khai thác.

- Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

- Trường hợp giấy phép khai thác hết thời hạn trong quá trình thẩm định, xem xét điều chỉnh:
 + *Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải dừng khai thác khoáng sản đến khi giấy phép khai thác được điều chỉnh (bao gồm nội dung điều chỉnh thời hạn khai thác). Trường hợp không được điều chỉnh giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định khi giấy phép khai thác hết hiệu lực;*

+ Cơ quan thẩm định hồ sơ tiếp tục thẩm định, trình UBND cấp tỉnh điều chỉnh giấy phép khai thác nếu hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác đủ điều kiện theo quy định tại khoản

1 Điều 8 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV).

Bước 4	Xem xét, quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản.	UBND tỉnh	03 ngày (24 giờ)	
Bước 5	- Thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ có liên quan theo quy định.	Cán bộ tại TTPVHCC	02 ngày (16 giờ)	
	- Trả kết quả giải quyết hồ sơ.		02 ngày (16 giờ)	
TH2	Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 16 ngày làm việc (128 giờ).			
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại TTPVHCC. - Chuyển hồ sơ về SNNMT.	Cán bộ tại TTPVHCC	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 2	Phân công cán bộ thẩm định hồ sơ.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 3	Thẩm định hồ sơ:			
3.1	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa đối với trường hợp: mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.	Chuyên viên phòng KSN&MT	9,5 ngày (76 giờ)	
	Gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đề điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc UBND cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác đối với trường hợp mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng			

	thuộc UBND cấp tỉnh về nội dung điều chỉnh giấy phép khai thác đối với trường hợp thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép, mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản, tăng công suất khai thác khoáng sản, giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác (trường hợp cần thiết). Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản điều chỉnh (nếu có); trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác (đồng thời phê duyệt đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản), phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho UBND cấp tỉnh.			
3.2	Xem xét, trình Giám đốc Sở kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho UBND cấp tỉnh.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	01 ngày (08 giờ)	
3.3	Xem xét, trình UBND tỉnh kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có).	Giám đốc Sở NNMT	01 ngày (08 giờ)	
3.4	Đóng dấu, quét ký số chuyển hồ sơ đến nơi nhận.	Văn thư Sở NNMT	0,5 ngày (04 giờ)	

(- Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình điều chỉnh giấy phép khai thác.

- Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

- Trường hợp giấy phép khai thác hết thời hạn trong quá trình thẩm định, xem xét điều chỉnh:

+ Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải dừng khai thác khoáng sản đến khi giấy phép khai thác được điều chỉnh (bao gồm nội dung điều chỉnh thời hạn khai thác). Trường hợp không được điều chỉnh giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định khi giấy phép khai thác hết hiệu lực;

+ Cơ quan thẩm định hồ sơ tiếp tục thẩm định, trình UBND cấp tỉnh điều chỉnh giấy phép khai thác nếu hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV).

Bước 4	Xem xét, quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản.	UBND tỉnh	02 ngày (16 giờ)	
Bước 5	- Thông báo cho tổ chức để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ có liên quan theo quy định.	Cán bộ tại TTPVHCC	01 ngày (08 giờ)	
	- Trả kết quả giải quyết hồ sơ.		Giờ hành chính	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 02	Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác (Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025)
2	Mẫu số 04	Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo (Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025).
3	Mẫu số 09	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV (Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Thành phần hồ sơ theo mục 5.3
2	Kết quả giải quyết hồ sơ Các văn bản khác (nếu có trong quá trình giải quyết thủ tục)
3	Hồ sơ được lưu tại phòng chuyên môn → Phòng lưu trữ

Mẫu số 2: Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác
(Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác (*tên khoáng sản*⁷).... tại xã, huyện, tỉnh
theo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV số ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

Đề nghị điều chỉnh (*nội dung điều chỉnh*⁸)..... của Giấy phép khai thác
khoáng sản như sau:

- ... (*nội dung theo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đã cấp*).....;
- ... (*nội dung đề nghị điều chỉnh*).....;

Lý do đề nghị điều chỉnh:

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về
địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

⁷ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

⁸ Các nội dung điều chỉnh là một hoặc một số nội dung sau:

- Điều chỉnh khối lượng khoáng sản quy định trong giấy phép;
- Điều chỉnh về diện tích, chiều sâu khai thác khoáng sản;
- Trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản;
- Điều chỉnh tăng công suất khai thác khoáng sản;
- Điều chỉnh giảm công suất khai thác khoáng sản, kéo dài thời hạn khai thác khoáng sản;
- Đổi tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác;
- Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản do bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;
- Thay đổi dự án, công trình sử dụng khoáng sản (chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản).

Mẫu số 4: Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo
(Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP
Khai thác khoáng sản**
Số: /KH-.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Địa danh, ngày.... tháng.... năm

KẾ HOẠCH
Khai thác khoáng sản trong thời gian tiếp theo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

I. Mô tả hiện trạng khu vực đã được cấp phép khai thác, cụ thể gồm:

1. Mở vỉa, hệ thống khai thác khoáng sản, công nghệ khai thác...;
2. Vận tải, công đoạn phụ trợ trong khai thác khoáng sản;
3. Các công trình bảo vệ môi trường (nếu có).

II. Kế hoạch khai thác trong thời gian tiếp theo

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....
2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (m², ha, km²).
3. Chiều sâu tiếp tục khai thác: từ mứcm, đến mức.....m.
4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....
.....
.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày - đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm.....).

..... (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV
(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP
Khai thác khoáng sản**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ: ;
Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
- Họ và tên.....;
- Năm sinh.....
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng.... năm..... được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng....năm (nếu có):
- Loại khoáng sản được phép khai thác: ;
- Cơ quan cấp phép ;
- Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn), huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố);
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên/hầm lò/.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (m², ha, km²);
- Chiều sâu khai thác: từ mức..... m, đến mức.....m;
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....:(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ ngày.... tháng.... năm.....⁹ đến ngày.... tháng.... năm....¹⁰:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VNĐ).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VNĐ).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VNĐ).

⁹ Thời điểm cấp giấy phép khai thác khoáng sản

¹⁰ Thời điểm báo cáo

4. Tổng vốn đầu tư: (VNĐ).
 5. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
 6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
 7. Giá thành khai thác trung bình:.....(VNĐ/tấn, m³).
 8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
 9. Tổng doanh thu:(VNĐ).
 10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VNĐ).
- Trong đó:
- Thuế tài nguyên:(VNĐ);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ);
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VNĐ);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VNĐ);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VNĐ);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có)
 12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....
 13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).
 14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).
 16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác/giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Kết quả hoạt động khai thác năm báo cáo¹¹

1. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong năm:(tấn, m³),
 2. Giá thành khai thác trung bình:.....(VNĐ/tấn, m³),
 3. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: (tấn, m³),
 4. Tổng doanh thu:(VNĐ),
 5. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VNĐ),
- Trong đó:
- Thuế tài nguyên:(VNĐ);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VNĐ);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VNĐ);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VNĐ);
 - Khác (nếu có):
6. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản đã nộp (nếu có):(VNĐ).

¹¹ Chỉ áp dụng đối với báo cáo định kỳ, các báo cáo trong hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV không phải thực hiện nội dung này.

7. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có)

8. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm

9. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).

10. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).

11. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.3. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

4. Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-....
	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Phòng KSN&MT	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu xin Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- KSN&MT: Khoáng sản, Nước và Môi trường.
- SNNMT: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công.
- TCCN: Tổ chức, cá nhân.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;		
5.2	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác được xem xét cho phép trả lại khi tổ chức, cá nhân có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 nộp trước ngày giấy phép khai thác hết thời hạn khai thác.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
-	Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác; bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác; báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác; đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.	x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 03 bộ.		
5.5	Thời gian xử lý: 30 ngày làm việc (240 giờ): - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 23 ngày làm việc (184 giờ). - Thời hạn giải quyết trả lại giấy phép khai thác khoáng sản: 03 ngày làm việc (24 giờ). - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: 04 ngày làm việc (32 giờ).		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		
5.7	Phí, lệ phí: Không.		
5.8	Quy trình xử lý công việc:		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại TTPVHCC. - Chuyển hồ sơ về SNNMT.	Cán bộ tại TTPVHCC	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 2	Phân công cán bộ thẩm định hồ sơ.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 3	Thẩm định hồ sơ:			
3.1	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa. Gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh về các nội dung có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác. Kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan có liên quan, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP. Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác; trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác đồng thời với phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho UBND cấp tỉnh.	Chuyên viên phòng KSN&MT	19 ngày (152 giờ)	
3.2	Xem xét, trình Giám đốc Sở kết quả thẩm định hồ sơ trả lại giấy phép khai thác đồng thời với phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho UBND cấp tỉnh.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	01 ngày (08 giờ)	
3.3	Xem xét, trình UBND tỉnh kết quả thẩm định hồ sơ trả lại giấy phép khai thác đồng thời với phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.	Giám đốc Sở NNMT	1,5 ngày (12 giờ)	

3.4	Đóng dấu, quét ký số chuyển hồ sơ đến nơi nhận.	Văn thư Sở NNMT	0,5 ngày (04 giờ)	
(- Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình trả lại giấy phép khai thác. - Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới).				
Bước 4	Xem xét, quyết định việc cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.	UBND tỉnh	03 ngày (24 giờ)	
Bước 5	- Thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ có liên quan theo quy định	Cán bộ tại TTPVHCC	02 ngày (16 giờ)	
	- Trả kết quả giải quyết hồ sơ.		02 ngày (16 giờ)	
Sau khi được UBND cấp tỉnh cho phép trả lại giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nghiệm thu và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định tại Điều 74 và Điều 75 của Luật Khoáng sản và quy định tại Điều 46 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.				

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 03	Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác (Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025)
2	Mẫu số 05	Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản (Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025)
3	Mẫu số 09	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV (Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Thành phần hồ sơ theo mục 5.3
2	Kết quả giải quyết hồ sơ Các văn bản khác (nếu có trong quá trình giải quyết thủ tục)
3	Hồ sơ được lưu tại phòng chuyên môn → Phòng lưu trữ

Mẫu số 3: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác
(Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) cho phép khai thác khoáng sản
.....*(tên khoáng sản)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV số..... ngày
.... tháng năm tại khu vực mỏ *(tên mỏ¹²)*..... thuộc xã huyện
..... tỉnh (thành phố)

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV nêu trên (Diện tích
đề nghị trả lại có toạ độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ khu vực khai thác khoáng
sản kèm theo).

Lý do đề nghị trả lại:

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về
địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹² Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản.

**Mẫu số 5: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản,
đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản**
(Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)
(Tên mỏ khoáng sản, thuộc xã....., huyện....., tỉnh.....)

Địa danh, năm ...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)
(Tên mỏ khoáng sản, thuộc xã....., huyện....., tỉnh.....)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
(nếu có)
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, năm ...

NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN, ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở để lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản) (trong Mẫu số 4 này gọi chung là đề án đóng cửa mỏ khoáng sản)

- Các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản có liên quan;
- Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng năm.....;
- Dự án (Phương án) khai thác khoáng sản được phê duyệt tại Quyết định số ngày ... tháng năm của;
- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt tại Quyết định số ngày ... tháng năm của;
- Các báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm (có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Tập hợp bình đồ, mặt cắt hiện trạng được lập theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản hàng năm (có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi khai thác khoáng sản) về định mức, đơn giá công trình xây dựng, đơn giá trồng cây.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, trong đó làm rõ: Đóng cửa mỏ khoáng sản để đưa mỏ trở lại trạng thái an toàn (như: Bạt độ dốc bờ mỏ kết thúc, sườn tầng kết thúc khai thác...) hay để bảo vệ do chưa khai thác hết khối lượng (trữ lượng) khoáng sản trong khu vực đã cấp phép hay để thanh lý toàn bộ khối lượng (trữ lượng) khoáng sản đã cấp phép?

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê khối lượng (trữ lượng) khoáng sản đã khai thác, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê khối lượng (trữ lượng) từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;
- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, Phương án khai thác khoáng sản; hiện trạng khu vực khai thác, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;
- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

Chương I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

Mô tả vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình..., điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

2. Lịch sử khai thác mỏ khoáng sản

Nêu khái quát trình khai thác từ khi có Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

Chương II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông tin cơ bản của dự án, phương án khai thác

Nêu rõ các thông tin khu vực khai thác (tọa độ, diện tích, độ sâu, khối lượng (trữ lượng) được phê duyệt, công nhận, xác nhận, khối lượng (trữ lượng) được phép khai thác v.v...); các thông số hệ thống khai thác đã được tính toán, lựa chọn theo nội dung của dự án, phương án khai thác.

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo dự án, phương án khai thác, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất - mỏ, thay đổi về khối lượng (trữ lượng) và lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính v.v... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng (trữ lượng) khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản và tuổi thọ mỏ;
- Thống kê chi tiết khối lượng (trữ lượng) khoáng sản đã khai thác theo từng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án, phương án khai thác đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng) khai thác thực tế và khối lượng (trữ lượng) khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;
- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải v.v....;
- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các công việc phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cam kết bảo vệ môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án khai thác khoáng sản được phê duyệt;
- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác, cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất; đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường... trong quá trình khai thác;

- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được duyệt; khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (nếu có);

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cam kết bảo vệ môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án khai thác khoáng sản được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản (làm rõ các trường hợp sau):

- Đóng cửa toàn bộ hoặc một phần diện tích mỏ được cấp phép để thanh lý do đã khai thác hết khối lượng (trữ lượng) khoáng sản trong diện tích được cấp phép;

- Đóng cửa để bảo vệ mỏ do chưa khai thác hoặc đã khai thác được một phần khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được cấp phép; lý do (do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan...).

Chương III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương; đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã cam kết trong Phương án khai thác khoáng sản nếu có) trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

Chương IV DỰ TOÁN KINH PHÍ

Kinh phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (lưu ý: tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt).

Chương V TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án tổ chức thi công đề án. Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác mỏ. Tỷ lệ 1:1.000 - 1:2.000
2	Bản đồ địa hình khu vực mỏ tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác theo Dự án (Phương án) khai thác khoáng sản
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Dự án (Phương án) khai thác khoáng sản
6	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải
...	Các bản vẽ khác (nếu có)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan

- Dự án (Phương án) khai thác khoáng sản và quyết định phê duyệt;
- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất;
- Bản đồ ba chiều (3D) hoàn thổ không gian đã khai thác;
- Đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có);
- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá (nếu có) tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Các số liệu liên quan đến chất lượng (hàm lượng, thành phần khoáng vật, hoá học, cơ lý v.v..) của khoáng sản tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản kèm theo là bản đồ thể hiện vị trí các điểm lấy mẫu và kết quả phân tích mẫu;
- Các bảng biểu, tài liệu kèm theo như đã nêu trong các chương.

Mẫu số 09: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV
(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP
Khai thác khoáng sản**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ: ;
Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
- Họ và tên.....;
- Năm sinh.....
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng.... năm..... được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng....năm (nếu có):
- Loại khoáng sản được phép khai thác: ;
- Cơ quan cấp phép ;
- Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn), huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố);
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên/hầm lò/.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (m², ha, km²);
- Chiều sâu khai thác: từ mức..... m, đến mức.....m;
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....:(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ ngày.... tháng.... năm.....¹³ đến ngày.... tháng.... năm....¹⁴:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VNĐ).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VNĐ).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VNĐ).

¹³ Thời điểm cấp giấy phép khai thác khoáng sản

¹⁴ Thời điểm báo cáo

4. Tổng vốn đầu tư: (VNĐ).
 5. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
 6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
 7. Giá thành khai thác trung bình:.....(VNĐ/tấn, m³).
 8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
 9. Tổng doanh thu:(VNĐ).
 10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VNĐ).
- Trong đó:
- Thuế tài nguyên:(VNĐ);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ);
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VNĐ);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VNĐ);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VNĐ);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có)
 12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....
 13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).
 14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).
 16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác/giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Kết quả hoạt động khai thác năm báo cáo¹⁵

1. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong năm:(tấn, m³),
 2. Giá thành khai thác trung bình:.....(VNĐ/tấn, m³),
 3. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: (tấn, m³),
 4. Tổng doanh thu:(VNĐ),
 5. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VNĐ),
- Trong đó:
- Thuế tài nguyên:(VNĐ);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VNĐ);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VNĐ);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VNĐ);
 - Khác (nếu có):
6. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản đã nộp (nếu có):(VNĐ).

¹⁵ Chỉ áp dụng đối với báo cáo định kỳ, các báo cáo trong hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV không phải thực hiện nội dung này

7. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có)

8. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm

9. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).

10. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VNĐ).

11. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.3. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

5. Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-....
	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Phòng KSN&MT	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu xin Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- KSN&MT: Khoáng sản, Nước và Môi trường.

- SNNMT: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công.
- TCCN: Tổ chức, cá nhân.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;		
5.2	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: - Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 phải ký hợp đồng với tổ chức có đủ năng lực để thực hiện việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo các nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025; - Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 có đủ năng lực thực hiện việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo các nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 có thể tự thực hiện hoặc ký hợp đồng với tổ chức có đủ năng lực để thực hiện việc khảo sát, đánh giá. Trong trường hợp không có đủ năng lực để thực hiện thì phải ký hợp đồng với tổ chức đủ năng lực để thực hiện việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a)	<i>Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i>		
-	Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	x	
-	Văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản (<i>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính</i>)	x	
b)	<i>Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i>		

-	Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV; văn bản giới thiệu của chủ đầu tư dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản;	x		
-	Văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công (<i>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính</i>)	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 02 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 09 ngày làm việc (72 giờ): - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 08 ngày làm việc (64 giờ). - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: 01 ngày làm việc (08 giờ).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.			
5.7	Phí, lệ phí: Không.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại TTPVHCC. - Chuyển hồ sơ về SNNMT.	Cán bộ tại TTPVHCC	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 2	Phân công cán bộ thẩm định hồ sơ.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 3	Thẩm định hồ sơ:			
3.1	Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá và kiểm tra tại thực địa (nếu cần).	Chuyên viên phòng KSN&MT	4,5 ngày (36 giờ)	
	Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá (trường hợp cần thiết).			

	Hoàn thành nội dung thẩm định hồ sơ liên quan đến đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo quy định nêu trên.			
3.2	Xem xét, trình Giám đốc Sở kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	01 ngày (08 giờ)	
3.3	Xem xét, quyết định việc chấp thuận hoặc không chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.	Giám đốc Sở NNMT	01 ngày (08 giờ)	
3.4	Đóng dấu, quét ký số chuyển hồ sơ đến nơi nhận.	Văn thư Sở NNMT	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 4	Thông báo và trả kết quả.	Cán bộ tại TTPVHCC	01 ngày (08 giờ)	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Thành phần hồ sơ theo mục 5.3
2	Kết quả giải quyết hồ sơ Các văn bản khác (nếu có trong quá trình giải quyết thủ tục)
3	Hồ sơ được lưu tại phòng chuyên môn → Phòng lưu trữ

**Mẫu số 01: Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá
thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV**
(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ
THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV**

Kính gửi: Sở¹⁶.....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng.....
năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc
Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....(*Tên cơ quan cấp
giấy phép đầu tư*)..... cấp.

Là nhà thầu thi công¹⁷(*Tên dự án, công trình, hạng mục công trình,
biện pháp huy động khẩn cấp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa
chất và khoáng sản*).....

Đề nghị được khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (tên
khoáng sản nhóm IV) tại khu vực thuộc xã..... huyện.....
tỉnh..... với các nội dung như sau:

1. Phạm vi khảo sát, đánh giá: (diện tích, tọa độ khu vực đề nghị khảo sát,
đánh giá thông tin chung)..... (Có bản đồ dự kiến khu vực khảo sát, đánh giá
kèm theo).

2. Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

3. Phương pháp, biện pháp kỹ thuật:

3.1. Khảo sát tại thực địa:(*chiều dài lộ trình*).....km lộ trình.

3.2. Thi công công trình:(*Liệt kê tên công trình, khối lượng*).....

3.3. Công tác mẫu:(*số lượng, chủng loại mẫu*).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật
về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁶ Tên Sở phụ trách lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

¹⁷ Chỉ áp dụng đối với các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

6. Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-....
	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng Phòng KSN&MT	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu xin Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- KSN&MT: Khoáng sản, Nước và Môi trường.
- SNNMT: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công.
- TCCN: Tổ chức, cá nhân.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/ 11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;			
5.2	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.			
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
-	Văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV; báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (trường hợp nộp hồ sơ giấy phải có bản số gửi kèm).	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 02 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 17 ngày làm việc (136 giờ). - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 15 ngày làm việc (120 giờ). - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: 02 ngày làm việc (16 giờ).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.			
5.7	Phí, lệ phí: Không.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại TTPVHCC. - Chuyển hồ sơ về SNNMT.	Cán bộ tại TTPVHCC	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 2	Phân công cán bộ thẩm định hồ sơ.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 3	Thẩm định hồ sơ:			

3.1	Kiểm tra, rà soát hồ sơ, thẩm định các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.	Chuyên viên phòng KSN&MT	12 ngày (96 giờ)	
	Lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan đối với các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (trường hợp cần thiết). Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.			
	Hoàn thành nội dung thẩm định hồ sơ liên quan đến đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo quy định nêu trên.			
3.2	Xem xét, trình Giám đốc Sở kết quả thẩm định hồ sơ liên quan đến đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo quy định nêu trên.	Lãnh đạo phòng KSN&MT	1,5 ngày (12 giờ)	
3.3	Xem xét, quyết định việc xác nhận hoặc không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.	Giám đốc Sở NNMT	01 ngày (08 giờ)	
3.4	Đóng dấu, quét ký số chuyển hồ sơ đến nơi nhận.	Văn thư Sở NNMT	0,5 ngày (04 giờ)	
Bước 4	Thông báo và trả kết quả.	Cán bộ tại TTPVHCC	01 ngày (08 giờ)	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 02	Văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Thành phần hồ sơ theo mục 5.3

2	Kết quả giải quyết hồ sơ Các văn bản khác (nếu có trong quá trình giải quyết thủ tục)
3	Hồ sơ được lưu tại phòng chuyên môn → Phòng lưu trữ

**Mẫu số 02: Văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá
thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV**
(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ
THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV**

Kính gửi: Sở¹⁸

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ngày tháng
năm do (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*) cấp; hoặc
Giấy phép đầu tư số ngày tháng năm do (*Tên cơ quan cấp
giấy phép đầu tư*) cấp.

Là nhà thầu thi công¹⁹ (*Tên dự án, công trình, hạng mục công trình,
biện pháp huy động khẩn cấp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa
chất và khoáng sản*)

Căn cứ Văn bản số ngày tháng năm của chấp
thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (*tên khoáng sản nhóm
IV*) tại khu vực thuộc xã huyện tỉnh

Đề nghị được xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng
sản (*tên khoáng sản nhóm IV*) tại khu vực thuộc xã
huyện tỉnh với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, diện tích khu vực khảo sát: (*tọa độ khu vực đề nghị khảo sát,
đánh giá thông tin chung*)

2. Khối lượng, chất lượng khoáng sản tại khu vực khảo sát, đánh giá:

Có báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản
..... (*tên khoáng sản nhóm IV*) tại khu vực kèm theo

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) cam kết các số liệu, thông tin trong báo
cáo là trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật đối với các
nội dung, thông tin, số liệu trong báo cáo khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với
khoáng sản ... (*tên khoáng sản nhóm IV*) tại khu vực

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

¹⁸ Tên Sở phụ trách lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

¹⁹ Chỉ áp dụng đối với các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.